

Số: 119/BC-HĐQT

Hải Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**  
**NĂM 2019**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800001348
- Vốn điều lệ: 318.824.700.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 318.824.700.000 đồng
- Địa chỉ: Số 10 đường Hồng Quang, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0220) 3840380 – 3859104
- Số fax: (0220) 3840393 – 3859010
- Website: hdwaco.com.vn
- Mã chứng khoán: HDW

**Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương tiền thân là nhà máy nước Hải Dương, được xây dựng từ năm 1936 với công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngày/đêm, được mở rộng và nâng công suất lên 6.000m<sup>3</sup>/ngày/đêm vào năm 1963, đạt công suất 21.000m<sup>3</sup>/ngày/đêm vào năm 1978, chủ yếu phục vụ cho nhân dân thành phố Hải Dương.

Năm 1992, chuyển thành Công ty cấp nước Hải Hưng theo Quyết định số 1400/QĐ-UB ngày 97/12/1993 của UBND tỉnh Hải Dương

Năm 1997, đổi tên thành Công ty cấp nước Hải Dương theo Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 06/01/1997 của UBND tỉnh Hải Dương.

Năm 1999, Công ty tiếp nhận quản lý và đưa vào hoạt động Xí nghiệp sản xuất nước Phú Thái với công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngày/đêm, phục vụ nhân dân huyện Kim Thành. Từ tháng 10/2003, Công ty tiếp nhận và quản lý các dự án cấp nước của thị trấn Sao Đỏ (huyện Chí Linh), thị trấn Gia Lộc (huyện Gia Lộc), thị trấn Tứ Kỳ (huyện Tứ Kỳ), thị trấn Sắt (huyện Bình Giang) và thị trấn An Lưu (huyện Kinh Môn) theo Quyết định số 268/QĐ-UB ngày 12/03/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1224/QĐ-UB, Quyết định số 3012/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh Hải Dương.

Năm 2005, thực hiện Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 12/07/2005 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi DNNN - Công ty cấp nước Hải Dương thành Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Năm 2006, Công ty triển khai Dự án xây dựng HTCN thành phố Hải Dương công suất 50.000 m<sup>3</sup>/ngày/đêm và tuyến đường ống truyền dẫn cấp cho các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn thành phố Hải Dương bằng nguồn vốn ORET (Hà Lan) và vốn đối ứng trong nước.

Năm 2009, triển khai Xây dựng HTCN từ nguồn vốn WB ở thị trấn 4 huyện: thị trấn Gia Lộc (huyện Gia Lộc), thị trấn Thanh Hà (huyện Thanh Hà), thị trấn





Thanh Miện (huyện Thanh Miện) và thị trấn Minh Tân - Phú Thứ (huyện Kinh Môn).

Năm 2011 sau khi đã cơ bản hoàn thành cấp nước cho các đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Công ty đã chủ động đề xuất với UBND tỉnh triển khai thí điểm dự án cấp nước liên xã (06 xã) khu vực huyện Ninh Giang, dự án được triển khai hoàn thành trong thời gian 03 tháng. Sau khi thí điểm thành công, Công ty đã đề xuất với tỉnh phương án cấp nước theo chuỗi, vùng, khu vực nguồn nước từ các nhà máy khai thác nước tập trung, công suất lớn có lưu lượng và chất lượng đảm bảo để dịch vụ cấp nước cho các xã nông thôn, theo đó chia làm một số vùng, khu vực cấp nước chính như sau: Thành phố Hải Dương – Cẩm Giàng – Bình Giang; Thành phố Hải Dương – Gia Lộc và một phần huyện Tứ Kỳ; Thanh Miện – Ninh Giang ...

Năm 2012, Công ty tiếp nhận Hệ thống cấp nước Phả Lại của Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại.

Giai đoạn 2012- 2013 thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao Công ty đã triển khai đầu tư xây dựng HTCN sạch cho các xã khu vực nông thôn; đồng thời với quan điểm cấp nước không phân biệt đô thị và nông thôn, Công ty đã sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty, vốn vay thương mại triển khai đầu tư xây dựng HTCN sạch cho gần 20 xã nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh.

Năm 2014 để đảm bảo mục tiêu thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động, đồng thời hoàn thành mục tiêu phủ sóng dịch vụ cấp nước cho tất cả các xã trên địa bàn tỉnh Công ty đã đề xuất và được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương xã hội hóa dịch vụ cấp nước. Công ty là đơn vị chủ chốt có trách nhiệm tìm kiếm, kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực và gắn bó lâu dài trong công tác dịch vụ nước sạch cho nhân dân trong tỉnh để đầu tư xây dựng các công trình nguồn, hệ thống cấp nước sạch các xã nông thôn.

Giai đoạn 2015-2016 để đảm bảo nguồn cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của nhân dân, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện dự án cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Việt Hòa, nhà máy nước ORET lên 40.000m<sup>3</sup>/ngày/đêm và các nhà máy nước các huyện. Đồng thời triển khai đầu tư các tuyến đường ống truyền tải, trạm bơm tăng áp cấp nước theo chuỗi vùng khu vực và HTCN sạch cho các xã nông thôn khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn theo chủ trương của UBND tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 20/03/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 419/TTg-ĐMDN về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Hải Dương giai đoạn 2013-2015.

Ngày 25/03/2014, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 429/UBND –VP về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Ngày 07/04/2014, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 808/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Ngày 05/06/2015, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 1405/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hải Dương tại thời điểm 0h ngày 30/06/2014.

Ngày 17/12/2015, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 3256/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH



MTV Kinh doanh nước sạch Hải Dương. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa là 318.824.700.000 đồng, số lượng cổ phần bán ra bên ngoài là 11.158.864 cổ phần.

Ngày 29/01/2016, Công ty đã tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở GDCK Hà Nội với tổng số cổ phần chào bán thành công là 2.079.864 cổ phần với giá bình quân là 10.475 đồng/cổ phần.

Ngày 01/09/2016, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 2418/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả bán cổ phần lần đầu và điều chỉnh phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Hải Dương. Cụ thể điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Hải Dương như sau: Nhà nước nắm giữ 20.723.606 cổ phần, chiếm tỷ lệ 65%; CBCNV nắm giữ 3.556.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,16%; Nhà đầu tư chiến lược nắm giữ 5.400.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,94%; Bán đấu giá công khai 2.202.664 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,9%.

Ngày 16/03/2017, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Ngày 31/3/2017 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800001348 cấp lần đầu ngày 24/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 31/03/2017 với vốn điều lệ thực góp là 318.824.700.000 đồng. Và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/4/2017.

Ngày 28/09/2017, Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 6486/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Ngày 03/10/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 187/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 31.882.470 cổ phiếu.

Ngày 26/10/2017 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có quyết định số: 894/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

Ngày 03/11/2017 Công ty tổ chức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác.

+ Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết.

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

+ Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh nước uống tinh khiết.

+ Thoát nước và xử lý nước thải.

+ Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.

+ Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn.

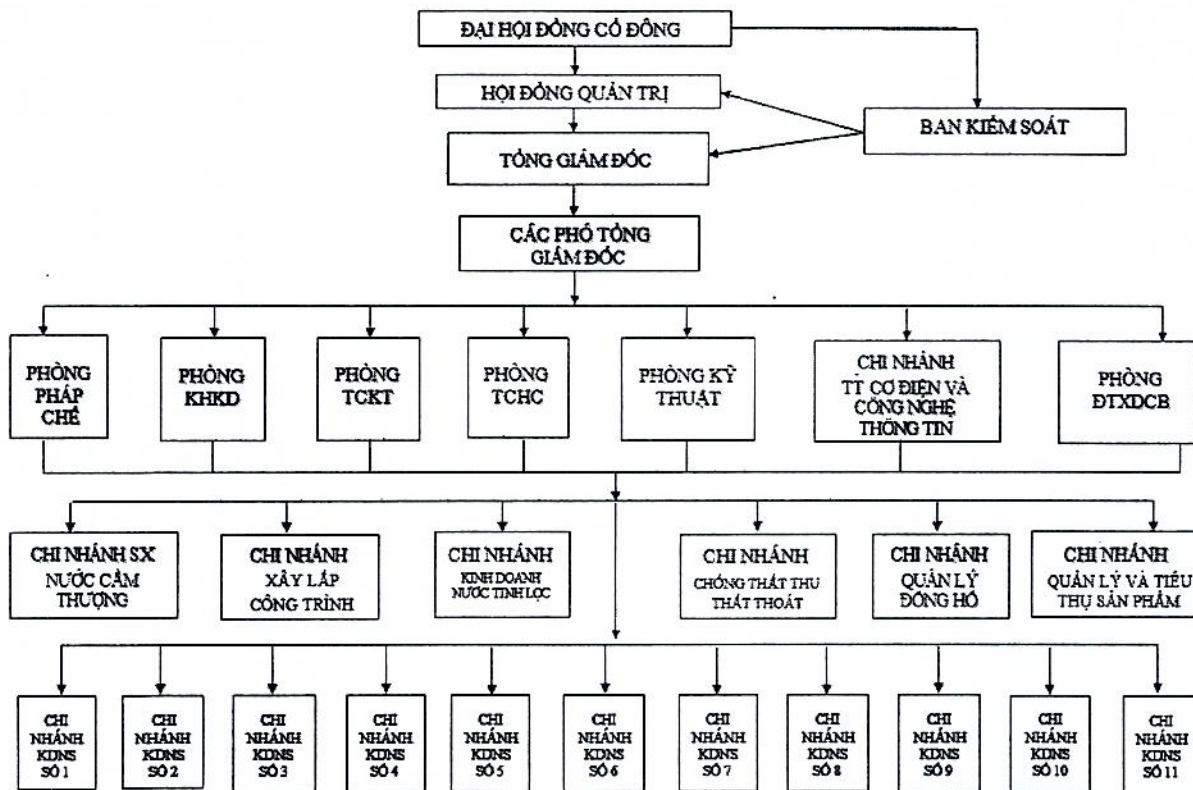
+ Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước, công nghệ xử lý nước.



+ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Lắp đặt đường ống, xây lắp các công trình cấp thoát nước; Sản xuất và mua bán nước uống tinh khiết đóng chai.

- Địa bàn kinh doanh: trong và ngoài tỉnh Hải Dương.

### 3. Thông tin tổ chức bộ máy quản lý của công ty như sau:



### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Đảm bảo an ninh nước sạch; Sản xuất và cung cấp nước an toàn, tiến đến cấp nước an toàn với chất lượng và dịch vụ hoàn hảo, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động; Huy động và sử dụng vốn hiệu quả, hướng đến mục tiêu lợi nhuận, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động và cộng đồng; Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Xây dựng Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương trở thành đơn vị có trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại, sớm hội nhập với khu vực và thế giới.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Phát triển, mở rộng hệ thống cấp nước; Xây dựng HTCN thông minh, bền vững, hiệu quả, đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đáp ứng nhu cầu CNH-HĐH và phát triển KT-XH của tỉnh.

+ Bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao: Sản lượng nước thương phẩm tăng bình quân trên 05%/năm; Nâng tổng công suất từ 200.000m<sup>3</sup> lên 250.000m<sup>3</sup>/ng.đ, triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nâng công suất các nhà máy xử lý nước, các trạm bơm tăng áp và các đường ống truyền tải nâng cao năng lực cấp nước; Phân đấu duy trì tỷ lệ thất thoát dưới 11%; tăng NSLĐ tối thiểu 4-5%/năm;



Mở rộng ngành nghề hoạt động nhất là các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế như thi công xây lắp, sản xuất nước tinh lọc nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

+ Huy động tốt các nguồn vốn, phân kỳ các giai đoạn đầu tư hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh, điều chỉnh giá nước đảm bảo đủ bù đắp chi phí để trích khấu hao trả nợ các dự án vay vốn đầu tư phát triển cấp nước.

+ Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiên tiến cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch.

+ Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học công nghệ để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần CBCNV.

#### 5. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế: Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương là sản xuất và kinh doanh nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh của nhân dân, do đó nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng nhiều từ rủi ro kinh tế.

- Rủi ro về luật pháp: Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước... Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy nhiên những thay đổi này có thể thấy được mặt tích cực như việc tạo hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước giúp cho công ty có cơ hội đổi mới công nghệ.

- Rủi ro đầu vào sản xuất: Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là các hóa chất, không chiếm nhiều tỷ trọng trong giá vốn. Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước. Do đó, trong quá trình mở rộng sản xuất, Công ty có thể chịu rủi ro về chất lượng nguồn nước khai thác, đặc biệt là vào mùa khô. Hiện nay, nguồn nước ngầm đã bị xâm thực mặn do tác động của biến đổi khí hậu. Ngoài ra, với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa hiện nay, nguồn nước mặt chịu rủi ro ô nhiễm lớn từ nước thải sinh hoạt và công nghiệp ngày càng gia tăng.

- Rủi ro thất thoát: Các tuyến đường ống dọc hành lang giao thông thường xuyên chịu tác động dễ gây vỡ ống, rò rỉ; Quy hoạch hạ tầng không đồng bộ, chỉnh trang đô thị xây dựng nông thôn mới ảnh hưởng đến đường ống cấp nước của công ty; Tình trạng gian lận nước sạch bằng cách khoan thẳng vào mạng đường ống, lắp đặt ống riêng để sử dụng không qua đồng hồ đo đếm cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát nước và gây nguy hại cho đường ống chính, có thể gây vỡ, rò rỉ nước.

- Rủi ro giá đầu ra: Nước sạch là sản phẩm công ích mang tính an sinh xã hội, giá nước chịu sự kiểm soát của Nhà nước do vậy khi có biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào, giá nước chưa được điều chỉnh kịp và phụ thuộc vào khung giá nước nhà nước ban hành.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:



TT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	TL HOÀN THÀNH (%)
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NƯỚC MÁY</b>				
1	Sản lượng nước máy sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	55,618	59,939	108%
2	SL nước máy thương phẩm	Triệu m <sup>3</sup>	49,500	50,440	102%
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	11,0	10,9	99%
4	Phát triển khách hàng	Hộ	10.000	10.001	100%
<b>B</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU CHUNG</b>				
<b>1</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
	Tổng số lao động	Người	945	927	98%
	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	7,8	7,98	102%
<b>2</b>	Nộp Ngân sách nhà nước	Triệu đồng	<b>47.099</b>	<b>55.354</b>	118%
<b>B</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH</b>				
<b>1</b>	Vốn Chủ sở hữu (Vốn điều lệ)	Triệu đồng	<b>318.824,7</b>	<b>318.824,7</b>	100%
<b>2</b>	Tổng doanh thu	Triệu đồng	<b>454.748</b>	<b>473.516</b>	104%
	Doanh thu nước sạch	Triệu đồng	433.215	448.488	104%
	Doanh thu xây dựng	Triệu đồng	15.233	18.176	119%
	Doanh thu tinh lọc + khác	Triệu đồng	6.300	6.850	109%
<b>3</b>	Tổng phí phí	Triệu đồng	<b>395.877</b>	<b>412.654</b>	104%
<b>4</b>	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	<b>58.872</b>	<b>60.862</b>	103%
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	11.775	12.573	107%
<b>6</b>	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	<b>47.097</b>	<b>48.289</b>	103%
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	12,9	12,9	100%
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn CSH	%	18,5	19,1	103%
9	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	7,0	7,3	104%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Năm 2019 Công ty đã đẩy nhanh tiến độ các công trình đầu tư xây dựng bằng nhiều biện pháp như triển khai từng phần, thay đổi phương án thi công đầu nổi nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch kịp thời cho nhân dân. Do vậy số lượng khách hàng đầu nổi đáp ứng đúng theo kế hoạch đề ra, sản lượng nước thương phẩm đạt 102% so với kế hoạch và tăng 10% so với năm 2018. Đồng thời theo đó tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều hoàn thành kế hoạch đặt ra và tăng hơn 10% so với năm 2018. Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2019 tăng 0,3% so với kế hoạch đề ra và tăng 0,5% so với năm 2018.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu			Tỷ lệ
			Tổng	Cá nhân	Đại diện	
1	Phạm Minh Cường	Tổng giám đốc	2.907.119	117.403	2.789.716	9,12%



2	Trần Quốc Khanh	Phó TGD thường trực	2.836.816	47.100	2.789.716	8,90%
3	Nguyễn Văn Phụng	Phó TGD	2.818.416	28.700	2.789.716	8,84%
4	Nguyễn Thanh Sơn	Phó TGD	2.819.816	30.100	2.789.716	8,84%
5	Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng	24.325	24.325		0,076%

## 2.2. Tóm tắt lý lịch ban Tổng giám đốc

### ✦ Ông Phạm Minh Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/4/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 5/135 đường Trần Hưng Đạo, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- CMTND số 141051688, Nơi cấp: CA Hải Dương, Ngày cấp: 08/01/2007
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

### ✦ Ông Trần Quốc Khanh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc thường trực

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/12/1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 29 Vũ Trọng Phụng, P. Quang Trung, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- CMTND số 141904772, Nơi cấp: CA Hải Dương, Ngày cấp: 22/4/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước - ĐH Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

### ✦ Ông Nguyễn Văn Phụng - Phó Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/7/1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14/504 đường Điện Biên Phủ, khu I, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- CMTND số: 141055727, Nơi cấp: CA Hải Dương, Ngày cấp: 11/8/2011.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện, chuyên ngành Thiết bị điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.

### ✦ Ông Nguyễn Thanh Sơn - Phó Chủ tịch Hội Đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/4/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 184A Chương Dương, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số thẻ căn cước: 030072002597 Ngày cấp 30/3/2017. Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cấp thoát nước.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó tổng giám đốc.



✦ **Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 27/5/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 75 Nguyễn Thị Định, Khu Đô thị phía Đông, phường Hải Tân, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- CMTND số 141946273, Nơi cấp: CA Hải Dương, Ngày cấp: 14/5/2011
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

2.3. Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số người lao động trong doanh nghiệp tính đến 31/12/2019 là: 927 người

Lao động tham gia BHXH là: 927 người.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, đào tạo, ăn ca, tham quan, nghỉ mát, sử dụng quỹ phúc lợi .... Được duy trì thực hiện đầy đủ, đúng quy định giúp người lao động yên tâm, gắn bó với công ty, lao động, công tác với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2019 Công ty tiếp tục triển khai và hoàn thành các dự án HTCN được UBND tỉnh giao có vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước như: Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch phường Hoàng Tân thị xã Chí Linh; Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch xã Hoàng Tiến thị xã Chí Linh; Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch phường Bến Tắm thị xã Chí Linh; Xây dựng trạm bơm tăng áp phường Hoàng Tân cấp nước sạch cho các phường xã khu vực đông bắc thị xã Chí Linh; Xây dựng trạm bơm tăng áp Kim Giang cấp nước sạch cho khu công nghiệp lương điền các xã nông thôn huyện Cẩm Giàng và khu vực lân cận.

- Ngoài ra bằng nguồn vốn vay tín dụng, vốn tự có công ty đã triển khai đầu tư nâng cấp mạng đường ống truyền tải nâng công suất các nhà máy nước theo đúng chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/4/2019 như: Tiếp tục triển khai hoàn thiện các dự án, công trình chuyên tiếp năm 2018 đồng thời triển khai các dự án, công trình mới năm 2019: Xây dựng cụm bể lắng lọc 2.500 m<sup>3</sup>/ngđêm ngày nhà máy nước Thanh Hà; Xây dựng bổ sung tuyến đường ống D315 từ Công Tiêu Lâm cấp nước lên trạm bơm tăng áp Tứ Cường; Xây dựng công trình thu và trạm bơm cấp 1 công suất 25.000m<sup>3</sup>/ng.đêm thuộc dự án: Xây dựng nâng công suất Nhà máy nước thêm 25.000m<sup>3</sup>/ng.đêm; Nhà xưởng chi nhánh kinh doanh nước tinh lọc; Cải tạo nâng công suất bể lắng ngang nhà máy nước ORET CN KDNS số 5 từ 34.750m<sup>3</sup>/ngđêm lên 49.500m<sup>3</sup>/ngđêm...và một số dự án, công trình khác cải tạo nâng công suất nhà máy, các tuyến ống truyền tải theo chủ trương đã được phê duyệt.

- Hầu hết các công trình đều triển khai đúng tiến độ, một số công trình bị chậm tiến độ do quá trình giải phóng mặt bằng thi công vướng mắc. Công ty đang phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	Tr. đồng	<b>1.013.604</b>	<b>994.841</b>	1,85%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	426.014	472.242	10,85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	55.423	61.369	10,73%
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	(537)	(507)	-5,59%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	54.885	60.861	10,89%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	43.795	48.289	10,26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		6,80%	7,3%	0,50%

- Ghi chú: Số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 và Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến 31/12/2019

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn = tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn	0,69	0,42	
+ Hệ số thanh toán nhanh= (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ nợ phải trả ngắn hạn	0,35	0,20	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,63	0,61	
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,7	1,55	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,42	0,47	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,043	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,13	0,13	

- Ghi chú: Số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 và Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến 31/12/2019.

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương
- Mã chứng khoán: HDW
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký: 318.824.700 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 318.824.700.000 VNĐ.



b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông trong nước	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức	03	26.123.606	81,94%
2	Cá nhân	902	5.758.864	18,06%
<b>Tổng cộng</b>		<b>905</b>	<b>31.882.470</b>	<b>100</b>

Số liệu được lấy theo danh sách cổ đông ngày 09/8/2019.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Tổng cộng
1	Nước thô (nguồn nước mặt các sông)	Triệu m <sup>3</sup>	59,939
2	Phèn	Kg	512.570
3	Clo	Kg	50.369
4	Muối	Kg	18.596
5	Trợ lắng	Kg	1.415
6	Javen	Lít	137.601

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Dây truyền sản xuất nước tuân hoàn khép kín, không có nước thải ra môi trường. Bùn sau sản xuất được cô đặc thu gom vận chuyển và xử lý.

6.2. Tiêu thụ điện năng

STT	Đơn vị	Số KW
1	Thành phố Hải Dương	2.224.275
2	Các chi nhánh	15.942.755
2.1	CN KDNS số 1	6.398.259
2.2	CN KDNS số 2	859.792
2.3	CN KDNS số 3	623.736
2.4	CN KDNS số 4	101.304
2.5	CN KDNS số 5	3.532.185
2.6	CN KDNS số 6	1.227.326
2.7	CN KDNS số 7	462.456
2.8	CN KDNS số 8	520.834
2.9	CN KDNS số 9	1.102.628
2.10	CN KDNS số 10	1.084.755
2.11	CN KDNS số 11	29.480
<b>Tổng cộng</b>		<b>18.167.030</b>

6.3. Tiêu thụ nước sạch:

Nước sạch tiêu thụ bình quân 600m<sup>3</sup>/năm chủ yếu sử dụng cho mục đích sinh hoạt của cán bộ công nhân viên - người lao động của công ty tại trụ sở văn phòng công ty và trụ sở văn phòng các chi nhánh trực thuộc. Hàng năm công ty nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.



### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động tính đến 31/12/2019: 927 người

Mức lương trung bình đạt: 7,98 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động  
Công ty luôn đảm bảo tất cả lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh Hải Dương. Đồng thời thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động. Tặng quà cho người lao động có điều kiện khó khăn, tuyên dương người lao động có thành tích tốt trong công tác. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn diện cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn quan tâm chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực, Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo đồng thời cử người lao động đi học tập trung nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, nâng lương, nâng bậc cho người lao động.

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: Xây dựng nông thôn mới, tham gia các phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, và nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, quan hệ mật thiết và phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội ở nơi làm việc.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	426.014.171.085	<b>472.242.703.413</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	426.014.171.085	472.242.703.413
4. Giá vốn hàng bán	284.013.630.645	324.461.755.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	142.000.540.440	<b>147.780.948.143</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.839.327.620	1.223.578.054
7. Chi phí tài chính	19.703.781.154	15.682.940.114
- Trong đó: Chi phí lãi vay	19.703.781.154	15.682.940.114
8. Chi phí bán hàng	18.787.180.109	19.647.844.783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.926.333.580	52.304.185.627
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	55.422.573.217	61.369.555.673
11. Thu nhập khác	1.221.394.356	49.895.584



12. Chi phí khác	1.758.694.107	557.479.728
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(537.299.751)	(507.584.144)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	54.885.273.466	60.861.971.529
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.089.637.641	12.572.843.665
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	43.795.635.825	48.289.127.864
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.255,85	1.272,08

- Những tiên bộ công ty đã đạt được

Duy trì và phát triển dịch vụ cấp nước ổn định cho nhân dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Duy trì áp lực nước cấp cho nhân dân từ 10-12m cột nước. Duy trì tỷ lệ thất thoát toàn công ty ở mức 11%.

Thực hiện cấp nước an toàn, chất lượng nước cấp đạt Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009. Chất lượng nước cấp được công ty thường xuyên giám sát và được giám sát định kỳ bởi: Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Hải Dương, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Tất cả các mẫu nước đều có kết luận phù hợp với quy định của Nhà nước.

Xây dựng phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC: 17025 phục vụ công tác xét nghiệm chất lượng nước.

Áp dụng công nghệ và tiên bộ khoa học, tự động hóa vào quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

Chất lượng dịch vụ không ngừng được nâng cao (lưu lượng, áp lực, tinh thần thái độ phục vụ khách hàng).

Công ty luôn nhận được sự đồng thuận của nhân dân, sự tin tưởng của chính quyền địa phương và uy tín trong ngành cấp nước.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Số liệu về biến động tài sản cố định hữu hình trong năm tính đến 31/12/2019:

ST T	Loại tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn lũy kế (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Nhà cửa vật kiến trúc	353.337.339.495	171.033.406.061	182.303.933.434
2	Máy móc thiết bị	236.026.077.537	166.538.371.302	69.487.706.235
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	1.044.518.660.373	397.530.597.810	646.988.062.563
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.472.432.798	3.006.699.333	465.733.465
5	Tài sản cố định khác	18.314.232.823	16.465.944.645	1.848.288.178
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.655.668.743.026</b>	<b>754.575.019.151</b>	<b>901.093.723.875</b>

Tình hình tài sản công ty biến động theo chiều hướng tốt, vốn công ty được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả cao. Công ty không có tài sản ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Tính đến 31/12/2019 nợ phải trả là: 603.960.183.196 đồng

Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn là: 162.750.279.196 đồng



+ Nợ dài hạn là: 441.209.904.000 đồng

Không có biến động quá lớn về các khoản nợ.

Nợ phải trả xấu không có.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Hải Dương - Hưng Yên.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay: Các khoản vay của Công ty bao gồm cả khoản vay của Công ty bao gồm các khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - Hưng Yên, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hải Dương được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hiệp định và các hợp đồng vay, khế ước vay.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại các số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Năm 2019 lợi nhuận của công ty có tăng nhưng trong đó có 1.204.109.318 đồng lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá, khoản lợi nhuận này không được chia hoặc trả cổ tức theo quy định của pháp luật

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### \* Về cơ cấu tổ chức

Công ty đã và đang rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Năm 2019 HĐQT đã phê duyệt chủ trương sát nhập phòng Phát triển thị trường vào phòng Kỹ thuật kể từ ngày 01/02/2020, chức năng nhiệm vụ của phòng thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của 2 phòng: Kỹ thuật và Phát triển thị trường đã được công ty ban hành. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục xem xét giải thể và sát nhập một số phòng, chi nhánh trực thuộc cho phù hợp.

#### \* Về chính sách

Phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có. Đào tạo lại đội ngũ cán bộ.

#### \* Về quản lý

Thực hiện quản trị công ty cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần đảm bảo theo hướng công khai minh bạch.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục duy trì và phát triển, mở rộng hệ thống cấp nước. Xây dựng HTCN thông minh, bền vững, hiệu quả, đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đáp ứng nhu cầu CNH-HĐH và phát triển KT-XH của tỉnh.

- Bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, công ty phấn đấu năm 2020 sản lượng nước đạt 53,5 triệu m<sup>3</sup>; doanh thu đạt 491 tỷ đồng; Tỉ lệ trả cổ tức không thấp hơn 7,4%.

- Huy động tốt các nguồn vốn, phân kỳ các giai đoạn đầu tư hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh, điều chỉnh giá nước đảm bảo đủ bù đắp chi phí để trích khấu hao trả nợ các dự án vay vốn đầu tư phát triển cấp nước.

- Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiên đến cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch.



- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học công nghệ để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người lao động.

#### *5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*

Tại báo cáo kiểm toán số 113-20/BC-TC/VAE của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam có 01 ý kiến ngoại trừ như sau: “Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản nợ phải thu của khách hàng đã tồn đọng qua một số năm tài chính với giá trị 3.113.703.732 đồng để xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Với những tài liệu mà công ty cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị có thể thu hồi đối với số dư công nợ nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Công ty xin giải trình như sau: Cơ sở để kiểm toán viên đưa ý kiến ngoại trừ là dựa trên việc xem xét tuổi nợ của các khoản công nợ, theo kiểm toán viên các khoản công nợ đã đủ tuổi nợ để trích lập dự phòng thì cần thiết phải trích lập để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do Công ty đánh giá các khoản công nợ chưa đáp ứng đủ các điều kiện trích lập dự phòng theo thông tư 49/2099/TT-BTC ngày 08/08/2019.

#### *6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Bằng các biện pháp tiết kiệm năng lượng triệt để cho quá trình sản xuất như lắp đặt hệ thống biến tần và các biện pháp tiết kiệm năng lượng đồng bộ, công ty đã thực hiện tiêu thụ điện năng giảm so với định mức điện sản xuất nước sạch theo Quyết định số 590 của Bộ Xây dựng về sản xuất nước sạch.

Công ty sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín, không có nước thải ra môi trường, nước bùn được cô đặc trong bể chứa bùn, phơi khô và được đơn vị chuyên ngành thu gom và xử lý.

Đồng thời lượng chất thải rác thải ảnh hưởng đến môi trường như: khăn lau dính máy, vỏ bao bì đựng hóa chất... công ty bố trí kho lưu trữ và thuê đơn vị chuyên ngành xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Chất thải sinh hoạt của công ty không đáng kể được công ty thu gom vào thùng rác trong khuôn viên và chuyển cho đơn vị thu gom rác của thành phố.

Đồng thời năm 2019 Công ty đã triển khai lắp đặt hệ thống mái che kết hợp điện năng lượng mặt trời, bước đầu giảm lượng điện năng tiêu thụ của đơn vị được thí điểm, Công ty sẽ đánh giá cụ thể hiệu quả của công trình để có phương án nhân rộng nếu cần thiết.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn đảm bảo tất các lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh Hải Dương. Đồng thời thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động. Tặng quà cho người lao động những dịp lễ, tết, tặng quà cho con người lao động đạt thành tích trong học tập. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn diện cho người lao động.



Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được Công ty quan tâm, tài sản chơi lành mạnh cho người lao động sau giờ làm việc căng thẳng qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Năm vừa qua công ty đã tham dự nhiều hội thao hội diễn như: Hội thao ngành xây dựng tỉnh Hải Dương; Hội thao Đảng ủy khối doanh nghiệp tổ chức .... và đều dành được các thành tích cao.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ngoài công tác sản xuất và phát triển dịch vụ cấp nước phục vụ nhân dân trong toàn tỉnh, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ và các hoạt động tương thân, tương ái, hoạt động tình nghĩa ... cũng như nhiều hoạt động khác của địa phương.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2019 Hội đồng quản trị đã cùng Ban tổng giám đốc công ty thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ quản trị, giám sát và định hướng mọi hoạt động của công ty. Đồng thời thực hiện tốt chính sách đối với người lao động qua đó hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 19/4/2019 và hoàn thành trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019 theo đúng quy định với mức cổ tức đạt 6,8%.

Các chỉ tiêu như sản lượng doanh thu nước sạch vượt 10% so với năm 2018 và vượt 02% so với kế hoạch đề ra, doanh thu vượt 10% so với năm 2018 và vượt 04% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận sau thuế tăng 10% trong khi đó chi phí sản xuất tăng 0,9%. Qua đó tỷ lệ trả cổ tức dự kiến của công ty tăng 0,5% so với kế hoạch đã đề ra.

Hội đồng quản trị quản lý, giám sát việc đầu tư xây dựng theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ của công ty. Trong các phiên họp, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban tổng giám đốc quản lý hoạt động đầu tư theo đúng chủ trương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đảm bảo bảo toàn vốn, phát triển sản xuất kinh doanh và ưu tiên cho lợi ích của cổ đông.

Bên cạnh đó Hội đồng quản trị đã cùng Ban tổng giám đốc kiện toàn lại bộ máy tổ chức theo phương án sản xuất kinh doanh của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/4/2019. Bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật... tại các đơn vị, chi nhánh trực thuộc.

Năm 2019 theo kế hoạch bố trí lao động là 945 người, Công ty đã sắp xếp lại lao động tại các đơn vị, chi nhánh đảm bảo cân đối và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó số lao động tại thời điểm 31/12/2019 là 927 người giảm 18 người so với kế hoạch đề ra.

Chỉ đạo tiếp tục điều chỉnh hoàn thiện, kiện toàn các quy chế hoạt động của công ty theo mô hình mới như: Phân công nhiệm vụ các thành viên hội đồng quản trị (do có sự thay đổi nhân sự); Thang bảng lương và lương đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; Quy chế khoán lương và vật rẻ tiền mau hỏng... theo đúng quy định của nhà nước để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động của công ty.

Bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

Đi đôi với duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn làm tốt công tác bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn cho sản xuất.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**



Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban tổng giám đốc trong năm 2019 và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó:

- Ban tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ công ty.

- Công tác điều hành, giám sát các chi nhánh trực thuộc trong hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện sát sao thông qua việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý và kịp thời điều chỉnh và khắc phục các bất cập phát sinh và thúc đẩy các chi nhánh triển khai chiến lược kinh doanh để đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra năm 2019. Đặc biệt tiết giảm chi phí sản xuất nâng cao lợi nhuận của công ty cũng như việc giảm số lượng và tăng năng suất lao động của người lao động trong công ty.

- Ban tổng giám đốc đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Việc trao đổi và cập nhật thông tin nhanh chóng giúp Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và đưa ra các ý kiến chỉ đạo hiệu quả theo định hướng chiến lược đề ra.

- Ban tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### 3.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch phân đầu năm 2020

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
<b>I</b>	<b>SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU</b>		
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn:	Triệu m <sup>3</sup>	63,195
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch:	Triệu m <sup>3</sup>	53,500
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	Phân đầu duy trì 11,0
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	9.000
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>		
<b>1</b>	<b>Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>318.824,7</b>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>491.500</b>
	- Nước sạch	Triệu đồng	473.000
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	13.000
	- Nước tinh lọc và các hoạt động khác	Triệu đồng	5.500
<b>3</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>426.500</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>65.000</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>51.881</b>
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KHÁC</b>		
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	61.000
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	13,2
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	20,4
4	Trả cổ tức bằng tiền không thấp hơn	%	7,4

#### 3.2. Một số hoạt động quan trọng khác:

- Năm 2020 HĐQT công ty sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo và giám sát thường xuyên chặt chẽ công tác triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.



- Tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư để đảm bảo mục tiêu phát triển mở rộng dịch vụ cấp nước của công ty.
- Phối hợp cùng ban Tổng giám đốc tìm kiếm và nâng cao hơn nữa công tác quản trị công ty đảm bảo công khai minh bạch, quản trị hệ thống cấp nước, công nghệ xử lý nước sạch đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước cho nhân dân.
- Phối hợp cùng ban Tổng giám đốc nghiên cứu bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển của công ty cho phù hợp với tình hình mới.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu			Tỷ lệ	Ghi chú
			Tổng	Cá nhân	Đại diện		
1	Vũ Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT	9.604.142	39.400	9.564.742	30,12%	TV HĐQT điều hành
2	Nguyễn Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	2.818.416	28.700	2.789.716	8,84%	TV HĐQT điều hành
3	Trần Quốc Khanh	Thành viên HĐQT	2.836.816	47.100	2.789.716	8,90%	TV HĐQT điều hành
4	Phạm Minh Cường	Thành viên HĐQT	2.907.119	117.403	2.789.716	9,12%	TV HĐQT điều hành
5	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	24.325	24.325		0,08%	TV HĐQT điều hành
6	Nguyễn Văn Đoàn	Thành viên HĐQT	36.900	36.900		0,12%	TV HĐQT không điều hành
7	Phạm Thị Mận	Thành viên HĐQT	3.900.000		3.900.000	12,23%	TV HĐQT không điều hành

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Kể từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019, Hội đồng quản trị công ty đã triển khai 07 cuộc họp quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và ban hành các nghị quyết cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 17 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	10/01/2019	1. Báo cáo ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2018. 2. Thông qua Dự thảo Báo cáo tài chính quý 4/2018 và dự thảo Báo cáo tài chính năm 2018; 3. Thông qua Kế hoạch sản

0013  
NG TY  
PHÂN  
DOAN  
C SẠC  
DUONG  
G-T.H



			<p>xuất kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.</p> <p>4. Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị năm 2019.</p> <p>5. Thông qua Kế hoạch cung ứng vật tư, thiết bị và danh sách lựa chọn đơn vị cung ứng năm 2019.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” huyện Thanh Miện.</p> <p>7. Thông qua Tờ trình thông qua phương án vay vốn và dùng tài sản đảm bảo để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương.</p> <p>8. Thông qua trích bổ sung Quỹ tiền lương của Người lao động, Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2018 và Kế hoạch Quỹ tiền lương của Người lao động, Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2019.</p> <p>9. Thông qua Tờ trình phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương năm 2019.</p> <p>10. Và một số công tác khác.</p>
2	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 18 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	01/3/2019	<p>1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2018.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo tài chính quý 4/2018 và Báo cáo tài chính năm 2018;</p> <p>3. Thông qua Tờ trình v/v phê duyệt bổ sung và tạm dừng một số danh mục đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị năm 2019;</p> <p>4. Thông qua phê duyệt điều chỉnh danh mục và kế hoạch bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị đợt 1 năm 2019.</p> <p>5. Thông qua Hỗ trợ trang phục áo dài cho công nhân viên – người lao động nữ.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình thông qua phương án vay vốn tại</p>



			<p>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương.</p> <p>7. Thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2019.</p> <p>8. V/v hỗ trợ xây dựng đường bê tông thôn La B, xã Kim Giang huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.</p> <p>9. Và một số công tác khác.</p>
3	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 19 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	22/4/2019	<p>1. Thông qua Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo tài chính quý 1/2019;</p> <p>3. Thông qua Quy chế khoán trả tiền lương, vật rẻ tiền mau hỏng và khoán một số chi phí khác;</p> <p>4. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp nghỉ lễ 30/4 - 01/5 và hỗ trợ người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2019.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2019.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình ủng hộ “Tháng Nhân đạo” năm 2019 của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hải Dương và hỗ trợ kinh phí điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới cho xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.</p> <p>7. Thông qua Tờ trình Bổ sung danh mục công trình ĐTXDCB và bố trí vốn đợt 2 năm 2019.</p> <p>8. Chỉ đạo công tác rà soát quy hoạch cán bộ và một số công tác khác.</p>
4	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 20 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	22/7/2019	<p>1. Thông qua Tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính quý II/2019 và BCTC bán niên 2019;</p> <p>2. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp lễ Quốc khánh 02/9/2019.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình chốt danh sách cổ đông và trả cổ</p>



			<p>tức năm 2018 bằng tiền;</p> <p>4. Thông qua Tờ trình Bổ sung danh mục công trình ĐTXDCB và bố trí vốn đợt 3 năm 2019.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025;</p> <p>6. Thông qua Dự thảo chứng thư xác định giá trị doanh nghiệp để thoái vốn lần 2</p>
5	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 21 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	24/9/2019	<p>1. Thông qua Tờ trình kiện toàn công tác cán bộ;</p> <p>2. Thông qua Tờ trình Điều chỉnh bổ sung danh mục công trình ĐTXDCB và bố trí vốn đợt 4 năm 2019</p>
6	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 22 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	25/10/2019	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính quý III/2019;</p> <p>2. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2019, ước kết quả hoạt động SXKD cả năm 2019 và dự kiến kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp Tết dương lịch;</p> <p>4. Thông qua Tờ trình chi quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;</p> <p>5. Thông qua Tờ trình Bổ sung danh mục công trình ĐTXDCB và bố trí vốn đợt 5 năm 2019.</p>
7	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 23 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	30/12/2019	<p>1. Thông qua Báo cáo Ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2019.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị năm 2020, kế hoạch cung ứng vật tư, thiết bị và danh sách lựa chọn đơn vị cung ứng năm 2020.</p>



			<p>4. Thông Tờ trình trích bổ sung Quỹ tiền lương của Người lao động, Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2019.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình Về việc cử đoàn đi tham quan, học tập tại nước ngoài.</p> <p>6. Kiện toàn công tác tổ chức cán bộ các đơn vị trực thuộc.</p>
--	--	--	---

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng ban	11.851	0,037%
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên chuyên trách	8.400	0,026%
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên không chuyên trách	0	0

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Số TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng ban	16/3/2017	6	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSV	16/3/2017	6	100%	
3	Nguyễn Thị Quỳnh	KSV	16/3/2017	6	100%	

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc

- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, giám sát các hoạt động và đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty

- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem xét các chỉ số và tỷ trọng chỉ tiêu hàng quý và năm thông qua các buổi họp định kỳ của Ban kiểm soát

- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc HĐQT, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT và TGD chủ trì để nắm bắt kịp thời tình hình SXKD của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt,

- Phối hợp với các phòng ban trong công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng quản trị, hạn chế và phòng ngừa rủi ro, cụ thể:



- + Phối hợp cùng phòng TCKT kiểm soát tình hình tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- + Phối hợp các phòng ban tiếp tục hoàn thiện hệ thống Quy chế quản lý nội bộ.
- + Giám sát việc chấp hành các Quy chế, Quy định của Công ty.
- + Giám sát thường xuyên tình hình SXKD và tình hình tài chính của Công ty

#### **Tổng hợp các cuộc họp của Ban Kiểm soát**

- Cuộc họp lần thứ nhất ngày 25/1/2019: Thông qua báo cáo kết quả kiểm tra, soát xét BCTC quý IV/2018; triển khai kế hoạch làm việc quý I;
  - Cuộc họp lần thứ hai ngày 15/3/2019: Thông qua BCTC năm 2018, thông qua tiêu chí và danh sách các đơn vị kiểm toán trình ĐHĐCĐ thường niên lựa chọn kiểm toán BCTC quý, bán niên và cả năm 2019, Thông qua báo cáo giám sát, Thông qua kế hoạch giám sát tổ chức ĐHĐCĐ, xây dựng Báo cáo quản trị Ban kiểm soát năm 2018 và triển khai kế hoạch kiểm tra BCTC quý I năm 2019;
  - Cuộc họp lần thứ ba ngày 29/6/2019: Soát xét các công trình đầu tư xây dựng cơ bản theo danh mục các công trình được bố trí vốn năm 2019 và các công trình chuyển tiếp năm 2018, triển khai kế hoạch kiểm tra BCTC quý II/2019, Xây dựng báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2019, tổng kết công tác ban 6 tháng đầu năm.
  - Cuộc họp lần thứ tư ngày 30/7/2019: Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019; Phân tích, đánh giá các chỉ số tài chính 6 tháng đầu năm; Triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.
  - Cuộc họp lần thứ năm ngày 3/11/2019: Thông qua Báo cáo kết quả kiểm tra phân tích BCTC quý III/2019; Phân tích, đánh giá các chỉ số tài chính quý III/2019; Soát xét các công trình xây dựng cơ bản dở dang đến ngày 30/9/2019, tổng hợp đề nghị HĐQT xem xét đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công và thanh toán kịp tiến độ.
  - Cuộc họp thứ sáu ngày 25/12/2019: Họp tổng kết công tác Ban kiểm soát năm 2019 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2020. Xây dựng báo cáo kết quả hoạt động của Ban 6 tháng cuối năm 2019 và báo cáo tổng kết ban trình ĐHĐCĐ; Triển khai kế hoạch soát xét báo cáo tài chính quý 4 và báo cáo tài chính năm 2019.
- Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao

### *3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Căn cứ Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2019:

#### **Mức lương:**

Mức lương của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

- Mức lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	29.500.000	Đồng/tháng
- Mức lương Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	26.500.000	Đồng/tháng
- Mức lương Thành viên HĐQT chuyên trách	25.000.000	Đồng/tháng
- Mức thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	5.000.000	Đồng/tháng
- Mức lương Trưởng BKS	23.000.000	Đồng/tháng
- Mức lương Kiểm soát viên chuyên trách	16.000.000	Đồng/tháng
- Mức thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách	3.200.000	Đồng/tháng
- Mức lương của Tổng giám đốc:	28.000.000	Đồng/tháng
- Mức lương của Phó tổng giám đốc Thường trực	27.000.000	Đồng/tháng
- Mức lương của Phó tổng giám đốc	26.000.000	Đồng/tháng



Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 02 người: Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT. HĐQT Hưởng thù lao có: 01 người. Các thành viên còn lại hưởng lương chuyên trách đối với chức danh lãnh đạo quản lý.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 02 người, Trưởng BKS, 01 Thành viên. BKS hưởng thù lao có 01 người.

Tiền lương thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCD ngày 19/4/2019

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng quy định.

Thực hiện theo Điều 15 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 dựa trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức lương và thù lao của thực hiện được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch;

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương, thù lao được tính thêm 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân;

+ Công ty có lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện phải giảm trừ 1% so với mức lương bình quân kế hoạch;

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 và lợi nhuận thực hiện Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn mức tính thêm 5% tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

\* Hội đồng quản trị:

STT	Chức vụ	Lương/ thù lao	Số tiền (đồng/tháng)
1	Chủ tịch	Lương	30.975.000
2	Phó chủ tịch	Lương	27.825.000
3	Thành viên không chuyên trách	Thù lao	5.250.000

\* Ban kiểm soát:

STT	Chức vụ	Lương/ thù lao	Số tiền (đồng/tháng)
1	Trưởng ban	Lương	24.150.000
2	Thành viên chuyên trách	Lương	16.800.000
3	Thành viên không chuyên trách	Thù lao	3.360.000

\* Ban Tổng giám đốc:

STT	Chức vụ	Lương/ thù lao	Số tiền (đồng/tháng)
1	Tổng giám đốc	Lương	29.400.000
2	Phó tổng giám đốc thường trực	Lương	28.350.000
3	Phó tổng giám đốc	Lương	27.300.000



b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng mua nước sạch với nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương;

- Hợp đồng bán nước sạch cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Xuân Hưng.

Các hợp đồng chuyển tiếp trước khi công ty chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần, giá bán theo quyết định của UBND tỉnh Hải Dương.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn tuân thủ theo đúng các quy định về quản trị công ty theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

## **VI. Báo cáo tài chính**

1. Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên: Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản nợ phải thu của khách hàng đã tồn đọng qua một số năm tài chính với giá trị 3.113.703.732 đồng để xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Với những tài liệu mà công ty cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị có thể thu hồi đối với số dư công nợ nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải điều chỉnh các số liệu này hay không. (công ty đã có báo cáo giải trình gửi UBCK NN và Sở GDCK Hà Nội ngày 12/3/2020)

2. Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán (đã được đăng tải trên website công ty và công bố thông tin trên website của UBCK NN và Sở GDCK Hà Nội theo đúng quy định).

## **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Vũ Mạnh Dũng**